

Số: 38 /BC-HĐQT

Vinh, ngày 16 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2020

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dệt may Hoàng Thị Loan;  
Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua một số nội dung chính của báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty CP Dệt may Hoàng Thị Loan như sau:

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>141,168,770,668</b>	<b>201,199,775,129</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11,862,092,521	7,406,487,769
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,705,889,315	1,600,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50,303,768,287	71,092,107,932
IV. Hàng tồn kho	140		75,136,471,500	120,494,882,242
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		160,549,045	606,297,186
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>148,390,511,507</b>	<b>166,495,263,485</b>
I. Tài sản cố định	220		143,724,744,324	160,710,329,335
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,300,000,000	2,300,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2,365,767,183	3,484,934,150
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>289,559,282,175</b>	<b>367,695,038,614</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>273,430,669,074</b>	<b>333,338,823,721</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		216,644,690,266	274,215,580,071
II. Nợ dài hạn	330		56,785,978,808	59,123,243,650
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16,128,613,101</b>	<b>34,356,214,893</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		16,128,613,101	34,356,214,893
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36,957,840,000	33,600,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		27,777,952,653	27,777,952,653
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(48,607,179,552)	(27,021,737,760)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>289,559,282,175</b>	<b>367,695,038,614</b>



## 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		508,400,841,357	922,133,247,398
2. Giá vốn hàng bán	11		475,638,337,484	895,065,019,663
3. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32,762,503,873	27,068,227,735
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,906,019,874	2,681,671,107
5. Chi phí tài chính	22		16,920,140,837	20,424,212,552
6. Chi phí bán hàng	25		20,366,374,120	20,639,809,551
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		18,471,249,106	21,591,337,270
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(20,089,240,316)	(32,905,460,531)
9. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,888,781,724	2,318,231,134
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(18,200,458,592)	(30,587,229,397)
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		27,143,200	
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(18,227,601,792)	(30,587,229,397)

## 3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45,060,201,031	152,606,114,859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		429,695,785	(49,902,519,345)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(40,970,630,971)	(103,801,627,328)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4,519,265,845	(1,098,031,814)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7,406,487,769	8,507,446,032
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(63,661,093)	(2,926,449)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		11,862,092,521	7,406,487,769

Trên đây là báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty CP Dệt may Hoàng Thị Loan đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Do năm 2020 KQKD Doanh nghiệp lỗ do đó không thực hiện phân chia cổ tức cũng như các quỹ.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*Ngô Văn Thanh* 2



CÔNG TY CP DỆT MAY  
HOÀNG THỊ LOAN

Số: 40 /BC-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Vinh, ngày 16 tháng 04 năm 2021

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

*Kính thưa quý vị đại biểu!*

*Thưa toàn thể cổ đông!*

- ❖ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội khóa 14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- ❖ Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan;
- ❖ Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2020 như sau:

### **I. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020:**

- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của HĐQT và Ban điều hành; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh năm 2020 theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cân trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính năm 2020 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt.
- Năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để đánh giá hoạt động kế toán, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, cũng như hoạt động của Hội đồng quản trị. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát, ngoài thu lao theo quy định không làm phát sinh thêm bất kỳ chi phí hoạt động nào.
- Việc kiểm tra, kiểm soát được thực hiện độc lập, khách quan và không gây ảnh hưởng, cản trở tới hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị được kiểm soát.
- Trong quá trình kiểm soát, nếu phát hiện ra những điểm bất thường, các tồn tại, hạn chế đều được lập biên bản, thẳng thắn góp ý với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.



## II. Đặc điểm tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh 2020:

### 1. Các chỉ tiêu chính:

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện 2019	Năm 2020		So sánh KH %	
				Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	TH20 /KH20	TH20 /TH19
I	SẢN LƯỢNG						
1	Sản lượng qui chuẩn	Tấn	13,170	9,870	8,659	87.7	65.7
1.1	Sợi đơn nôi cọc QC Ne30/1	"	9,592	7,350	7,594	103.3	79.2
1.2	Sợi đơn OE QC Ne20/1	"	2,112	1,610	609	37.8	28.8
1.3	Sợi xe QC Ne32/2	"	1,466	910	456	50.1	31.1
2	Sản lượng tiêu thụ	"	14,957		10,914		73
II	DOANH THU KHÔNG VAT	Tỷ	922	645	510.9	79.2	55.4
1	Doanh thu sợi	"	708	620	452	73	63.8
2	Doanh thu khác	"	213	25	59.5	238	27.9
3	Kim ngạch xuất khẩu sợi	1000\$	15,561	11,270	11,959	106.1	76.9
III	SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG	Người	850		520		61
III	THU NHẬP BÌNH QUÂN	1000đ	7.415	7,000	7,400	106	
IV	LỢI NHUẬN	Tỷ	(- 30.6)	2	(- 18.2)		

Qua bảng trên ta thấy các chỉ tiêu đều không đạt kế hoạch ngoại trừ chỉ tiêu thu nhập bình quân người lao động.

### 2. Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020:

#### 2.1. Tình hình sản xuất

Sản lượng sản xuất năm 2020 giảm so với năm 2019. Trong năm sản lượng sản xuất không đạt được như kế hoạch. Nguyên nhân:

##### - Ảnh hưởng của dịch Covid 19

Trước sự bùng phát của dịch bệnh, do giãn cách xã hội Công ty phải ngừng hoạt động sản xuất từ ngày 15/4/2020 đến ngày 31/5/2020 làm giảm sản lượng sản xuất, thị trường tiêu thụ giảm sâu cả sức mua và giá bán. Giá nguyên liệu đầu vào giảm không tương xứng với giá sợi. Vì vậy nếu tiếp tục SX sẽ gây lỗ lớn cho Công ty.

##### - Công ty thu hẹp quy mô sản xuất:

**Đối với sợi Nôi cọc:** Giảm năng lực sản xuất từ 7.8 vạn cọc xuống còn 5.6 vạn cọc. Tiến hành quy hoạch lại mặt bằng gian máy, loại bỏ 15 máy con cũ kỹ lạc hậu tiêu tốn lao động và điện năng, không hiệu quả.

**Đối với sợi đơn OE và sợi xe:** Công ty chỉ sản xuất cầm chừng theo những đơn đặt hàng tính toán có hiệu quả, nên dây chuyền OE và đậu xe chỉ huy động năng lực sản xuất từ 30 - 40% công suất. Vì thế sản lượng sợi OE và sợi xe chỉ đạt được từ 35 - 50% theo kế hoạch.

#### 2.2. Tình hình tiêu thụ:



Năm 2020, sản lượng tiêu thụ giảm, doanh thu giảm chỉ bằng 73% so với năm 2019 do công tác thị trường tìm kiếm đơn hàng gặp nhiều khó khăn trước đại dịch COVID 19. Từ tháng 6 đến tháng 9, giá bông xơ biến động lao dốc từ 1.7\$/kg bông xuống còn 1.37\$/kg mức giảm 20%, kéo theo giá bán sợi tụt giảm mạnh, mức giảm từ 10 – 15%. Ví dụ: Sợi TCD Ne30/1 65/35 tháng 1 giá bán 2.0 – 2.05 \$/kg. từ tháng 6 – tháng 9 giá bán từ 1.85 – 1.87 \$/kg.

Đứng trước những khó khăn đó thì ban lãnh đạo công ty đã thay đổi phương thức bán hàng:

- **Đối với thị trường xuất khẩu:** Công ty nỗ lực phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu. Chuyển đổi cơ cấu thị trường từ Ai Cập chiếm hơn 80% thị phần để dịch chuyển dần sang các thị trường khác như Hàn Quốc, Thái Lan. Ngoài giảm thời gian thu hồi vốn từ 40 ngày xuống còn 10 - 15 ngày còn đem lại giá bán tốt hơn, phương thức thanh toán có lợi đem lại hiệu quả cao hơn cho công ty.
- **Đối với thị trường Nội địa:** Công ty đẩy mạnh phát triển thêm thị trường nội địa với 1 số khách hàng mới chiến lược mới như Tổng Công ty CP Phong Phú, Công ty TNHH Dệt May Hoàng Quân, CÔNG TY TNHH DỆT NHUỘM JASAN, Công ty TNHH Dệt May Hoàng Dũng.
- **Phương thức thanh toán:** Từ tháng 06/2020 Công ty thay đổi phương thức bán hàng yêu cầu phải có đặt cọc khi ký đơn hàng, phương thức thanh toán với khách hàng: Giảm thời gian dư nợ từ 30 ngày xuống 15 ngày đối với khách hàng Chiến lược Châu Giang. Các khách hàng mới khác yêu cầu trả trước khi thanh toán.

### 2.3. Về công tác lao động:

Đứng trước tình hình biến động của thị trường, tình hình sản xuất tại Nhà máy, máy móc thiết bị hư hỏng không đáp ứng được yêu cầu sản xuất trên các dây chuyền, cũng như tư tưởng của người lao động trước diễn biến đại dịch Covid, sau khi xem xét, đánh giá. Công ty đã quyết định sắp xếp lại mô hình tổ chức, định biên lại lao động đồng thời sắp xếp lại các dây chuyền sản xuất. Với phương châm tinh gọn lại bộ máy quản lý từ Công ty xuống các cấp tổ sản xuất. Sàng lọc các thiết bị đã quá cũ từ lâu không khai thác được, từ đó lên kế hoạch thanh lý để thu hồi vốn... Sau khi sắp xếp lại lực lượng lao động của toàn Công ty chỉ còn 520 người bằng 61% so với năm 2019.

### 2.4. Về thu nhập bình quân người lao động:

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh không tốt, nhưng để đảm bảo đời sống và tinh thần cho người lao động; Mặt khác để giữ chân người lao động đáp ứng khi sản xuất đầy tải trở lại Công ty xem xét điều chỉnh thu nhập cho người lao động theo từng mức, theo vị trí công tác. Chú trọng tăng thu nhập cho khối lao động trực tiếp sản xuất nên bình quân cả năm thu nhập đạt 7.4 triệu đồng / người / tháng tăng 106 % so với KH.

## III. Tình hình tài chính:

Năm 2020 tình hình tài chính của công ty gặp rất nhiều khó khăn do việc mất cân đối tài chính. Năm 2019 công ty mất cân đối khoảng 73 tỷ thì trong năm 2020 đã tăng lên 75 tỷ đồng. Cụ thể:



**Biểu 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/12/2020	01/01/2020	SO SÁNH	
			Tuyệt đối	Tương đối (%)
	1	2	3=1-2	4=1/2
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>289.559.282.175</b>	<b>367.695.038.614</b>	<b>(78.135.756.439)</b>	<b>78,75%</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>141.168.770.668</b>	<b>201.199.775.129</b>	<b>(60.031.004.461)</b>	<b>70,16%</b>
a. Tiền và các khoản tương đương tiền	11.862.092.521	7.406.487.769	4.455.604.752	160,16%
b. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.705.889.315	1.600.000.000	2.105.889.315	231,62%
c. Các khoản phải thu ngắn hạn	50.303.768.287	71.092.107.932	(20.788.339.645)	70,76%
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	41.013.116.145	74.744.895.979	(33.731.779.834)	54,87%
d. Hàng tồn kho	75.136.471.500	120.494.882.242	(45.358.410.742)	62,36%
e. Tài sản ngắn hạn khác	160.549.045	606.297.186	(445.748.141)	26,48%
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>148.390.511.507</b>	<b>166.495.263.485</b>	<b>(18.104.751.978)</b>	<b>89,13%</b>
a. Tài sản cố định	143.724.744.324	160.710.329.335	(16.985.585.011)	89,43%
b. Đầu tư tài chính dài hạn	2.300.000.000	2.300.000.000		100,00%
c. Tài sản dài hạn khác	2.365.767.183	3.484.934.150	(1.119.166.967)	67,89%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>289.559.282.175</b>	<b>367.695.038.614</b>	<b>(78.135.756.439)</b>	<b>78,75%</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>273.430.669.074</b>	<b>333.338.823.721</b>	<b>(59.908.154.647)</b>	<b>82,03%</b>
a. Nợ ngắn hạn	216.644.690.266	274.215.580.071	(57.570.889.805)	79,01%
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	14.854.843.569	38.969.768.922	(24.114.925.353)	38,12%
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	183.341.061.919	221.874.185.471	(38.533.123.552)	82,63%
b. Nợ dài hạn	56.785.978.808	59.123.243.650	(2.337.264.842)	96,05%
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	56.785.978.808	59.123.243.650	(2.337.264.842)	96,05%
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>16.128.613.101</b>	<b>34.356.214.893</b>	<b>(18.227.601.792)</b>	<b>46,95%</b>
a. Vốn chủ sở hữu	16.128.613.101	34.356.214.893	(18.227.601.792)	46,95%
Vốn góp của chủ sở hữu	36.957.840.000	33.600.000.000	3.357.840.000	109,99%
Quỹ đầu tư phát triển	27.777.952.653	27.777.952.653		100,00%
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(30.379.577.760)	3.565.491.637	(33.945.069.397)	-852,04%
- LNST chưa phân phối kỳ này	(18.227.601.792)	(30.587.229.397)	12.359.627.605	59,59%

Đơn vị tính : VNĐ

(Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán)

Dựa vào bảng cân đối kế toán, ta thấy tài chính công ty năm vừa qua có 1 số điểm chính sau:



**1. Tổng tài sản giảm 78 tỉ do công ty thu hẹp quy mô sản xuất, cụ thể các chỉ tiêu sau:**

- **Công nợ phải thu khách hàng** giảm mạnh từ 74 tỷ xuống còn 41 tỷ (~ giảm còn 54,87%) cho thấy trong năm 2020 công ty đã kiểm soát rất tốt tình hình công nợ. Do trong năm 2020, công ty đã tích cực thu hồi công nợ, thay đổi phương thức bán hàng phù hợp và có lợi cho Công ty.

- Đối với xuất khẩu: Tìm kiếm khách hàng xuất khẩu mới khu vực Đông bắc Á (Hàn Quốc, Trung Quốc) và Thái Lan, giảm tỷ trọng thị trường xuất khẩu Ai Cập. Do đó giảm số ngày dư nợ khách hàng từ 30 - 40 ngày (Hàng trên đường - Thị trường Ai cập) xuống 07 -10 ngày (thị trường Hàn Quốc, Đông Nam Á).
- Đối với Nội địa: Với các hàng cũ, truyền thống, yêu cầu đặt cọc, giảm số ngày dư nợ từ 30 ngày xuống 15 ngày và trả ngay sau khi nhận hàng. Đối với các khách hàng mới yêu cầu đặt cọc, thanh toán trước khi nhận hàng không phát sinh nợ.

**- Hàng tồn kho :**

Nội dung	31/12/2020	01/01/2020	CHÊNH LỆCH	
			GIÁ TRỊ	(%)
Nguyên liệu, vật liệu	29.173.235.892	57.408.547.048	(28.235.311.156)	50,82%
Công cụ, dụng cụ	125.962.118	130.674.848	(4.712.730)	96,39%
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.435.238.862	10.527.198.297	(2.091.959.435)	80,13%
Thành phẩm	36.311.518.856	49.600.166.720	(13.288.647.864)	73,21%
Hàng hóa	315.074.090	2.052.853.647	(1.737.779.557)	15,35%
Hàng gửi đi bán	775.441.682	775.441.682	-	100%
	<b>75.136.471.500</b>	<b>120.494.882.242</b>	<b>(45.358.410.742)</b>	

Hàng tồn kho giảm mạnh từ 120 tỷ xuống còn 75 tỷ (~ giảm còn 62,36%) chủ yếu là nguyên vật liệu và thành phẩm.

Nguyên nhân chính là do chính sách công ty thu hẹp quy mô sản xuất, giảm nhập nguyên liệu đầu vào, giảm lượng tồn kho cho phù hợp tình hình dịch Covid. Ngoài ra, giá bông xơ biến động giảm mạnh 20% kéo theo thành phẩm sợi cũng giảm theo.

Ngoài ra, ban lãnh đạo cũng đẩy mạnh rà soát chi phí mua sắm vật tư, phụ tùng, công cụ dụng cụ hàng tháng, lựa chọn nhà cung cấp có uy tín, giá cả cạnh tranh. Kiểm soát chặt nhu cầu mua vật tư, phụ tùng phù hợp và thật sự cần thiết để giảm tối đa lượng hàng tồn kho.

**- Tài sản dài hạn:**

Tài sản dài hạn giảm từ 166 tỷ xuống còn 148 tỷ (~ giảm 18 tỷ) do năm 2020 công ty thanh lý 1 số máy móc thiết bị cũ kỹ lạc hậu tiêu tốn lao động và điện năng, sử dụng không còn hiệu quả.

**2. Nguồn vốn giảm 78 tỉ cụ thể:**

- **Nợ phải trả** là 273 tỷ giảm 60 tỷ so với năm 2019. Do công ty thay đổi phương thức thanh toán đối với các lô nhập khẩu bông xơ.



- **Vay và nợ thuê tài chính** giảm 40 tỷ. Vì sau khi rà soát, công ty đã xây dựng nhu cầu tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm cho phù hợp với tình hình thực tế. Giảm tối đa số lượng tồn kho, tăng nhanh vòng quay vốn lưu động, giảm bớt chi phí tài chính đối với hàng tồn kho. Đây là hướng đi cấp thiết và phù hợp của ban lãnh đạo trong thời kỳ tài chính khó khăn này. Ngoài ra, công ty đơn thúc thu hồi công nợ, thay đổi phương thức bán hàng với mục đích giảm tình trạng chiếm dụng vốn.

- **Vốn chủ sở hữu** giảm 18 tỷ do năm nay bị lỗ 18 tỷ.

**Biểu 2 :**

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Đơn vị tính : VND*

Chỉ tiêu	2020	2019	SO SÁNH	
			Tuyệt đối	Tương đối (%)
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.617.560.185	922.133.247.398	(411.515.687.213)	55,37%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.216.718.828		2.216.718.828	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	508.400.841.357	922.133.247.398	(413.732.406.041)	55,13%
4. Giá vốn hàng bán	475.638.337.484	895.065.019.663	(419.426.682.179)	53,14%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.762.503.873	27.068.227.735	5.694.276.138	121,04%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.906.019.874	2.681.671.107	224.348.767	108,37%
7. Chi phí tài chính	16.920.140.837	20.424.212.552	(3.504.071.715)	82,84%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	15.443.026.628	18.489.822.803	(3.046.796.175)	83,52%
8. Chi phí bán hàng	20.366.374.120	20.639.809.551	(273.435.431)	98,68%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.471.249.106	21.591.337.270	(3.120.088.164)	85,55%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(20.089.240.316)	(32.905.460.531)	12.816.220.215	61,05%
11. Thu nhập khác	2.567.060.707	3.668.385.525	(1.101.324.818)	69,98%
12. Chi phí khác	678.278.983	1.350.154.391	(671.875.408)	50,24%
13. Lợi nhuận khác	1.888.781.724	2.318.231.134	(429.449.410)	81,48%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.200.458.592)	(30.587.229.397)	12.386.770.805	59,50%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.143.200		27.143.200	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(18.227.601.792)	(30.587.229.397)	12.359.627.605	59,59%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

**Nhận xét:**

**Doanh thu:**



Doanh thu thuần đạt 508 tỷ giảm 413 tỷ so với năm 2019 do dịch Covid kéo dài nên tình hình tiêu thụ của công ty gặp rất nhiều trở ngại. Sản lượng sản xuất sụt giảm kéo theo doanh thu giảm tương ứng. Mặt khác giá bông xơ giảm mạnh 20% kéo theo giá sợi giảm 10-15%.

**Chi phí :**

- *Giá vốn hàng bán* là 475 tỷ, giảm 419 tỷ so với năm 2019. Do giá nguyên liệu bông xơ giảm mạnh, lượng hàng tiêu thụ cũng giảm 73% so với năm 2019.
- *Chi phí tài chính* giảm 3,5 tỷ đồng so năm 2019, trong đó chi phí lãi vay giảm 3 tỷ đồng do năm 2020 công ty đã rà soát cơ cấu vốn, cân đối nhu cầu sử dụng vốn hàng tháng để giảm chi phí lãi vay đồng thời giảm hạn mức nợ vay ngắn hạn của Ngân hàng xuống gần 60 tỷ đồng.
- *Chi phí bán hàng* giảm: 273 triệu đồng. Nguyên nhân là trong năm tiêu thụ ít hơn 2019.
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp* 18 tỷ giảm 3 tỷ so với năm 2019 vì năm 2020 công ty sắp xếp lại mô hình tổ chức, tinh giản lại bộ máy quản lý, lao động toàn công ty chỉ còn khoảng 520 người bằng 61% so với năm 2019.

**Lợi nhuận :**

Lợi nhuận kế toán trước thuế là (18,2) tỷ giảm lỗ 12 tỷ so với năm 2019, không đạt kế hoạch đề ra.

**Một số chỉ tiêu tổng hợp đánh giá hiệu quả của Công ty trong năm 2020 :**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020	Xu hướng
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,73	0,65	↓
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,29	0,29	
<b>Kết cấu nguồn vốn</b>					
3	Hệ số nợ / Tổng tài sản	Lần	0,91	0,94	↑
4	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	9,7	16,95	↑
<b>Kết cấu chi phí</b>					
5	Giá vốn hàng bán / Doanh thu thuần	%	97,06	93,56	↓
6	Chi phí bán hàng / Doanh thu thuần	%	2,25	4,01	↑
7	Chi phí quản lý / Doanh thu thuần	%	2,33	3,63	↑
8	Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	%	2,2	3,33	↑
<b>Hiệu quả hoạt động</b>					
9	Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	2,51	1,76	↓
10	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-3,32	- 3,59	↓
11	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	-8,32	- 6,29	↑
12	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	89,03	- 1,13	↑

Qua bảng trên ta thấy :



Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả SXKD và khả năng sinh lợi của công ty trong năm 2020 đều thấp, nguyên nhân là do lợi nhuận trong năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra. Mặt khác Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu là 16.95 lần là quá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành. Làm tăng rủi ro về mặt tài chính của doanh nghiệp. Công ty cần có các giải pháp để giảm hệ số này xuống ở mức độ an toàn.

*Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Rất mong được sự góp ý chân thành của quý vị đại biểu, quý vị cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ.*

Xin kính chúc sức khỏe các quý vị cổ đông, chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

*Xin chân thành cảm ơn!*

**TM. BAN KIỂM SOÁT**



*Nguyễn Khánh Ly*